TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ - ST
Ngày 14-01-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Duy Vĩnh.
2. Ông Nguyễn Bá Đoàn.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên toà*: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị HoàngThị H, sinh ngày 04/02/1987; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn H, sinh 25/5/1986; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình; đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Htrình bày: Chị và anh Trịnh Văn H kết hôn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Kim Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường L, tỉnh Ninh Bình) ngày 24 tháng 7 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là tính tình không hợp, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chị đã sống ly thân mỗi người một nơi

từ tháng 8/2023 cho đến nay và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Văn H.

Bị đơn là anh Trịnh Văn H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn mâu thuẫn giữa anh với chị Hoàng Thị H đúng như chị H đã trình bày. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh H thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Trịnh Hoàng D, sinh ngày 19/4/2009, cháu Trịnh Quốc K, sinh ngày 13/11/2010 và cháu Trịnh Kim A, sinh ngày 19/12/2015. Khi ly hôn, chị H và anh H đều xin được nuôi dưỡng cả ba cháu và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H và anh H đều xác định không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ: Chị H và anh H thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Văn H. Về con chung: Giao cháu Trịnh Hoàng D, sinh ngày 19/4/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trịnh Quốc K, sinh ngày 13/11/2010 và cháu Trịnh Kim A, sinh ngày 19/12/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trịnh Văn H. Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình. Anh H là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử

vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Kim Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường L, tỉnh Ninh Bình) ngày 24 tháng 7 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H, anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi kể từ tháng 8/2023 cho đến nay làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh H nhất trí và cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H là tự nguyện, có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh H có 03 con chung là cháu Trịnh Hoàng D, sinh ngày 19/4/2009, cháu Trịnh Quốc K, sinh ngày 13/11/2010 và cháu Trịnh Kim A, sinh ngày 19/12/2015. Khi ly hôn chị H và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con và không tự thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó Tòa án căn cứ vào mọi mặt, quyền lợi ích và ý kiến của các con để giao cháu Trịnh Hoàng D, sinh ngày 19/4/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trịnh Quốc K, sinh ngày 13/11/2010 và cháu Trịnh Kim A, sinh ngày 19/12/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con riêng: Chị H và anh H không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp*:* Chị H và anh H cùng thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H, anh H thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu mộ nửa án phí. Tuy nhiên tại phiên tòa chị H xin chịu thay cả phần án phí của anh H để được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên được chấp nhận.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Hoàng D, sinh ngày 19/4/2009 cho anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Trịnh Quốc K, sinh ngày 13/11/2010 và cháu Trịnh Kim A, sinh ngày 19/12/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị H xin chịu thay cả phần án phí của anh H), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001528 ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 150.000đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5-Ninh Bình;
- T.H.A dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt